TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25- 7 - 2024
"V/v *ly hôn, nuôi con chung giữa chị Thuỷ và anh Điềm*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Nguyễn Gia Khải;

2.Ông Đặng Ngọc Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 24/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024, về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà số 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn**:** Chị Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1983

Nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi ở: Thôn Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Anh Đỗ Xuân Đ, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh Đ)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu T trình bày**:** Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Xuân Đ tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C vào ngày

24/11/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh Đ. Quá trình chung sống đến tháng 3/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống cũng thời gian đó vợ chồng ly thân, hiện tại mẹ con chị T đã về thôn Đ, xã C sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, chị xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Huy H sinh ngày 20/8/2007 và Đỗ Phúc H1 sinh ngày 10/12/2014, hiện cả 02 con đang ở với chị T. Ly hôn, chị nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, chị không yêu cầu anh Đỗ Xuân Đ cấp dưỡng cho con. Hiện tại, chị không có thai nghén gì.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2024, bị đơn anh Đỗ Xuân Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và thời gian vợ chồng ly thân như chị Đỗ Thị Thu T đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T có biểu hiện không chung thuỷ. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn nhưng nếu chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị T.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Huy H, sinh ngày 20/8/2007 và Đỗ Phúc H1, sinh ngày 10/12/2014, hiện cả 02 con đang ở với chị T. Ly hôn, anh không nhất trí để chị T nuôi cả 02 con chung, nếu chị T được giao nuôi cả 02 con chung thì anh không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kết quả xác minh với cơ sở thôn C và thôn Đ, xã C thấy: Chị Đỗ Thị Thu T và anh Đỗ Xuân Đ là vợ chồng, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì cơ sở thôn không biết rõ, chỉ biết do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hiện tại mẹ con chị T đang sinh sống tại thôn Đ, xã C. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh Đ có sở thôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T, anh Đ có 02 con chung là Đỗ Huy H, sinh ngày 20/8/2007 và Đỗ Phúc H1, sinh ngày 10/12/2014, hiện cả 02 con đang ở với chị T. Ly hôn, về việc giao con và cấp dưỡng cho con đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản cơ sở thôn không rõ. Hiện tại, chị T là giáo viên Trường Mầm non C, còn anh Đ lao động tự do, thu nhập cụ thể cơ sở thôn không nắm rõ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:*Về tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.*Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của

Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Thu T được ly hôn anh Đỗ Xuân Đ; Về con chung: Giao cả 02 con chung là Đỗ Huy H sinh ngày 20/8/2007 và Đỗ Phúc H1 sinh ngày 10/12/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết;

Về án phí: Chị Đỗ Thị Thu T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị Thu T khởi kiện ly hôn và nuôi con chung với anh Đỗ Xuân Đ. Do anh Đ là bị đơn cư trú thôn Đ, xã C, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thu T và anh Đỗ Xuân Đ là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 24/11/2006 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm tháng 3/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, không thương yêu thông cảm cho nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh Đ nghi ngờ chị T không chung thuỷ, cũng thời gian đó vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, xin được ly hôn anh Đ, còn anh Đ1 xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn nhưng nếu chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị T. Tòa án đã ấn định thời gian hòa giải nhưng anh Đ không có mặt, anh Đ1 không có thiện chí hòa giải. Mặt khác thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của chị T, anh Đ1 thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. [3] Về con chung: Chị Đỗ Thị Thu T và anh Đỗ Xuân Đ có 02 con chung là Đỗ Huy H sinh ngày 20/8/2007 và Đỗ Phúc H1 sinh ngày 10/12/2014. Ly hôn, chị T nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con. Anh Đ không nhất trí để chị nuôi các con, còn nếu chị T trực tiếp nuôi dưỡng nuôi cả 02 con chung thì anh không cấp dưỡng cho con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị T là chính đáng, các con đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, các

con chung đều có nguyện vọng ở với chị T. Chị T có đủ điều kiện để nuôi con nên cần giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con là đáp ứng được nguyện vọng của các con chung và phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản: Chị Đỗ Thị Thu T và anh Đỗ Xuân Đ đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên về tài sản Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.[6] Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Thu T và anh Đỗ Xuân Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.*Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Thu T được ly hôn anh Đỗ Xuân Đ.

2.Về nuôi con chung: Xử giao cả 02 con chung là Đỗ Huy H sinh ngày 20/8/2007 và Đỗ Phúc H1 sinh ngày 10/12/2014 cho chị Đỗ Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Đỗ Xuân Đ2 cấp dưỡng cho con. Anh Đ có quyền đi lại thăm nom và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị T, anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3.Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4.Về án phí: Chị Đỗ Thị Thu T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0004626 ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ được chuyển thành tiền án phí. 5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Đỗ Xuân Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;*

- Nơi ĐKKH: UBND xã Châu Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Duyên